

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Giấy chứng nhận ĐKKD 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/02/2008 – thay đổi lần thứ nhất (01) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24 tháng 06 năm 2011 với Mã số doanh nghiệp 5800563106

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2014

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 - Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – P.1 – TP. Bảo lộc – Lâm Đồng

Điện thoại: 063.3864073 Fax: 063.3711608

Website : capnuocbaoloc.com

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Nguyễn Trọng Hiếu**

Chức vụ: TVHĐQT – Phó giám đốc Cty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Điện thoại: 063.3711002-0909208786 Fax: 063.3711608

Mail: tronghieucn@yahoo.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty đại chúng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

.Năm báo cáo 2014

I. Lịch sử hoạt động của Công ty :

Hệ thống cấp nước Bảo Lộc được hình thành từ những năm của thập niên 70 thế kỷ 20, hệ thống này hình thành phục vụ chủ yếu cho một số quan chức và chính quyền đương thời. Sau năm 1975, Nhà máy nước Bảo Lộc chịu sự quản lý của UBND huyện Bảo Lộc, đến năm 1992 được sát nhập vào Công ty Cấp nước Lâm Đồng cùng với các Nhà máy nước Di Linh và Đức Trọng. Từ đó đến nay Nhà máy nước Bảo Lộc là một đơn vị thành viên trực thuộc Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình sắp xếp đổi mới, năm 2004 doanh nghiệp lại được điều chỉnh chuyển sang loại hình doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh. Ngày 18/10/2005 UBND Tỉnh Lâm Đồng ra quyết định số 2873/QĐ-UBND thành lập Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng.

1. Những sự kiện quan trọng:

13 tháng 02 năm 2008, Nhà máy nước Bảo Lộc thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng đã nhận được giấy phép đăng ký kinh doanh mới và chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc theo quyết định cổ phần hóa của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng ngày 04 tháng 05 năm 2006.

+ Niêm yết

Tại sàn giao dịch UPCOM tại SGDCK Hà nội ngày 14/06/2010

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh :

- Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch cho các khu đô thị và khu công nghiệp.
- Quản lý hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và rác thải các khu đô thị, khu Công nghiệp.
- Tư vấn Quy hoạch, lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế - dự toán các công trình Cấp thoát nước, xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi.
- Thi công xây dựng công trình : Cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi.
- Khoan thăm dò và khoan khai thác nước dưới đất.
- Giám sát thi công các công trình xây dựng.

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản và dịch vụ nhà đất.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất và mua bán vật tư thiết bị ngành nước.
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch, thương mại ...
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã một (01) lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất (01) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24 tháng 06 năm 2011 với Mã số doanh nghiệp 5800563106, có nội dung như sau:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

Sản xuất và phân phối nước sạch; Tư vấn lập dự án đầu tư; Xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; Xử lý nước thải, xử lý môi trường; Đầu tư xây dựng hạ tầng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 56 Lê Thị Pha, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

+ Tình hình hoạt động

Do hiện tại công suất nhà máy chưa khai thác hết, nhân dân nhiều khu vực còn chưa được cung cấp nước. Hiện tại chỉ cung cấp khoảng 53% cho khu vực nội thị trong thành phố . Cho nên để nâng cao hiệu quả trong sản xuất nước thì trước mắt ta cần hoàn thiện và mở rộng phạm vi của hệ thống cấp nước hiện có nhằm phát huy hết hiệu quả của hệ thống và cung cấp nước đầy đủ cho nhân dân. Cty đã hoạt động được hơn 35 năm, tuy nhiên hệ thống cấp nước mới được mở rộng cải tạo vào năm 2002 .khách hàng của Cty rất lớn nhưng không tập trung nên chi phí đầu tư cho 1 khách hàng cao . Cty cũng đã tạo ra được uy tín với khách hàng. Nên việc giữ vững uy tín với khách hàng là nhiệm vụ hàng đầu trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong tương lai .

- Kể từ khi đi vào Cổ phần 2/2008 đến nay Cty đã có nhiều cố gắng tập trung nâng công suất Sản xuất nước từ 7.500m³/ngàyđêm đến năm 2012 đạt 11.300 m³/ngày đêm

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Đầu tư tăng sản lượng ,mở rộng hệ thống ống cấp nước nhằm đáp ứng cho nhu cầu sử dụng cho các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn thành phố .

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hiện nay các các khu công nghiệp đang mở ra, đây là thị trường rất tốt cho việc phátcmở rộng kinh doanh. Cần phải có định hướng đúng đắn để đầu tư và tận dụng nguồn vốn xây dựng hạ tầng của các khu công nghiệp này, đây là nguồn lực không nhỏ đối với việc phát triển ngành nước.

Trên địa bàn thành phố Bảo lộc hiện nay có 02 dự án nước mặt :

- Cty TNHH Cấp thoát nước lâm đồng hiện đang là chủ đầu tư dự án mở rộng hệ thống cấp nước , bổ sung thêm từ nguồn nước mặt từ hồ nước mặt Lộc Thắng khu vực huyện Bảo lâm . Dự án đang ở giai đoạn triển khai ban đầu và đã được ghi nhận vốn đầu tư . nhằm đạt sản lượng đến 2020 là 27.000m³/ngày đêm , đáp ứng sử dụng nước của đô thị loại II theo tiêu chí của UBND Thành phố đề ra .

- Cty CPĐT Thiên Hòa An đầu tư khai thác nước mặt hồ Nam phương với công suất giai đoạn 1 là 4.800 m³/ngày đêm, giai đoạn 2 đạt tổng 9.600m³/ngày đêm .

Căn cứ vào chủ trương của UBND tỉnh Lâm Đồng . Cty sẽ không khoan khai thác giếng nước ngầm mới , mà cùng với Cty Thiên Hòa an, Dự án ODA tập trung phát triển mạng lưới đường ống mở rộng phạm vi cung cấp nước và để tiếp nhận 02 nguồn nước mặt trên, đồng thời từng bước hạn chế dùng nguồn nước ngầm .

- Có chiến lược tiếp thị đến người dân trên địa bàn , bỏ thói quen tiêu dùng và tiến tới sử dụng nước sạch trong sinh hoạt . Phối hợp với ban ngành chức năng kiểm tra , ngăn chặn các hiện tượng dân tự khoan giếng không phép làm ô nhiễm nguồn nước, tháo tầng chứa nước .

Do kinh doanh ngành nước hiện nay nhà nước còn chi phối về giá bán nên hiệu quả kinh doanh là không cao, để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp thì cần phải mở rộng ngành nghề kinh doanh như : Kinh doanh mặt hàng nước tinh khiết đóng chai, kinh doanh địa ốc, kinh doanh nhà hàng khách sạn ... Đây là những ngành nghề mới phát triển tại địa phương nên tiềm năng còn rất nhiều trong thời kỳ Thành phố Bảo Lộc đang chuyển biến mạnh .

Tuy nhiên do khả năng phạm phi cấp nước còn thiếu nên nhiệm vụ chủ trọng tâm vẫn là phát triển , mở rộng phạm vi cấp nước trên địa bàn .

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận,tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm....)

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	34.663.755.444	37.944.018.230	9.46 %
Doanh thu thuần	18.951.952.597	22.193.707.817	17.11 %
Lợi nhuận từ HĐKD	2.934.999.683	2.505.467.677	- 14.63 %
Lợi nhuận khác	(7.639.872)	(10.933.766)	
Lợi nhuận trước thuế	2.927.359.811	2.494.533.911	- 14.78 %
Lợi nhuận sau thuế	2.267.979.159	1.999.620.522	- 11.83 %
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	840	741	-11.78%

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	TH Năm 2014	% Tăng giảm (so KH)
Doanh thu thuần	19.079.860.000	22.193.707.817	16.32
Lợi nhuận trước thuế	2.440.000,000	2.494.533.911	2.23
Lợi nhuận sau thuế	1,952,000,000	1.999.620.522	2.44
Cổ tức (%)	5	5.13	2.60

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)

- Mở rộng hệ thống cấp nước
- Xây dựng hệ thống xử lý chất lượng nước

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

Trong tương lai để đáp ứng cho tỷ lệ dân trong thành phố được sử dụng nước Sạch ,cùng với chủ trương xã hội hóa ngành cấp nước .

Cty Cấp nước Lâm đồng đã có chủ trương đầu tư và phát triển Nguồn nước mặt và hệ thống mạng ống cấp nước từ nguồn vốn vay ADB .

Cty CP đầu tư Thiên Hòa An khai thác nguồn nước mặt Hồ nam phương

Cty sẽ tiếp nhận nguồn nước 02 dự án trên và phát triển mở rộng khách hàng .

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	88.37 %	92.51%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	11.63 %	7.49%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	20.46%	12.97%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	79.54%	87.03%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	0.57	0.58
2.2 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.25	0.27
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	0.11	0.15
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	0.09	0.12
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	0.07	0.08
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	0.05	0.07
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	0.07	0.08

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán các năm 2013-2014)

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp : không
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
d) Cổ phiếu		
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi		-
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...) : không

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên vốn Điều lệ (%)
1	Cổ đông bán ra ngoài	649.700	6.497.000.000	24.06%
3	Cổ đông Nhà nước	2.050.300	20.503.000.000	75.94%
	Tổng cộng	2.700.000	27.000.000.000	100,00

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Do năm 2013 có số tháng mưa nhiều hơn , Khách hàng sử dụng tiết kiệm nước hơn năm trước, là năm kinh tế gặp nhiều khó khăn , các doanh nghiệp sản xuất có dDN hoạt động cầm chừng, có DN phá sản nên cũng ảnh hưởng đến việc tăng trưởng doanh thu của Cty . Giá vật tư hàng hóa đầu vào tăng (điện) :

- Nước sản xuất : 2,585,546 m³ đạt 103% so với kế hoạch
- Nước ghi thu : 1,978,000 m³ đạt 100% so với KH
- Tỷ lệ thất thoát : 23.5 %

Nhìn chung các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh còn lại đều đạt và vượt so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra Tuy nhiên Tỷ lệ thất thoát tăng so kế hoạch do trong năm thành phố tiến hành thi công làm đường QL20, quá trình thi công có bể vỡ ống cấp nước, hệ thống ống phan phối làm từ 5-10 năm đã mục nát cũng làm tăng tỷ lệ thất thoát nước .

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Cơ cấu tổ chức công ty gọn nhẹ , phù hợp với yêu cầu thực tế của công việc
- Đầu tư hệ thống xử lý nâng chất lượng nước

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Trong tương lai nhiệm vụ trọng tâm Cty là cần phải mở rộng mạng lưới cấp nước đạt theo tiêu chí mà TP đã đề ra, có kế hoạch từng bước giảm nguồn nước ngầm , sử dụng nguồn nước mặt. Phát triển mở rộng các ngành nghề đã đăng ký kinh doanh , nhằm đa dạng hóa sản phẩm tăng thêm lợi nhuận cho Cty .

IV. Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	31/12/2014	1/1/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100	4,412,550,751	2,597,445,741
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	352,462,973	322,247,212
1. Tiền		111	352,462,973	322,247,212
2. Các khoản tương đương tiền		112	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130	1,718,574,545	559,215,224
1. Phải thu khách hàng		131	1,325,111,337	272,777,424
2. Trả trước cho người bán		132	300,000,000	130,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134	-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	138,319,398	192,850,000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	(44,856,190)	(36,412,200)
IV. Hàng tồn kho		140	2,170,440,958	1,380,980,004
1. Hàng tồn kho		141	2,170,440,958	1,380,980,004
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	-	-

V. Tài sản ngắn hạn khác	150	171,072,275	335,003,301
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16,200,002	49,027,002
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	48,895,706
3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	154,872,273	237,080,593

TÀI SẢN		Mã số	12/31/2014	1/1/2014
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33,531,467,479	32,066,309,703
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
2. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31,688,830,477	30,168,210,903
1. Tài sản cố định hữu hình	221		30,771,593,608	28,552,335,856
Nguyên giá	222		50,387,695,364	45,581,379,616
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19,616,101,756)	(17,029,043,760)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		651,615,000	674,484,000
Nguyên giá	228		754,671,000	754,671,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103,056,000)	(80,187,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		265,621,869	941,391,047
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		300,000,000	300,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		300,000,000	300,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,542,637,002	1,598,098,800

1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	1,542,637,002	1,598,098,800
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	37,944,018,230	34,663,755,444

NGUỒN VỐN		Mã số	12/31/2014	1/1/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ		300	7,762,940,011	4,497,259,831
I. Nợ ngắn hạn		310	7,762,940,011	4,497,259,831
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-
2.	Phải trả người bán	312	1,508,320,340	-
3.	Người mua trả tiền trước Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	200,000,000	200,000,000
4.	Phải trả người lao động	314	450,356,920	1,022,150,183
5.	Chi phí phải trả	315	2,542,856,141	2,976,793,716
6.	Phải trả nội bộ	316	-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317	-	-
8.	đồng xây dựng	318	-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	2,859,264,277	169,147,390
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	202,142,333	129,168,542
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327	-	-
II. Nợ dài hạn		330	-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	30,181,078,219	30,166,495,613
I. Vốn chủ sở hữu		410	30,181,078,219	30,166,495,613
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	27,000,000,000	27,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	-	-

5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	742,524,921	531,087,005
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	450,604,683	344,885,725
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	1,987,948,615	2,290,522,883
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1.	Nguồn kinh phí	432	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	37,944,018,230	34,663,755,444

Mẫu B 01-DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	12/31/2014	1/1/2014
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cước	636,289,563	636,289,563
3. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
4. Ngoại tệ các loại	-	-
5. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

*Đơn vị
tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.19	18,954,430,697	22,194,354,317
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.20	2,478,100	646,500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.21	18,951,952,597	22,193,707,817
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	10,469,734,675	13,358,819,621
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8,482,217,922	8,834,888,196
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	31,118,924	24,847,534
7. Chi phí tài chính	22	VI.24		46,764,928
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			46,764,928
8. Chi phí bán hàng	24		4,024,341,304	4,349,835,699
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,553,995,858	1,957,667,435
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2,934,999,683	2,505,467,677
11. Thu nhập khác	31	VI.25	978,094	616,205
12. Chi phí khác	32	VI.26	8,617,966	11,549,971
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(7,639,872)	(10,933,766)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2,927,359,811	2,494,553,911
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	659,380,652	494,913,389
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.28		-
16. Chi phí thuế TNDN miễn giảm	53	VI.29		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	VI.30	2,267,979,159	1,999,620,522
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		840	741

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	2,494,533,911	2,927,359,811
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2,609,926,996	2,349,467,632
- Các khoản dự phòng	03	8,443,990	8,158,200
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24,847,543)	(31,118,924)
- Chi phí lãi vay	06	46,764,928	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5,134,822,282	5,253,866,719
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1,036,699,285)	480,310,174
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(789,460,954)	677,070,092
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	3,570,451,024	79,737,767
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	88,288,798	(123,022,313)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(46,764,928)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(901,648,992)	(506,614,737)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(292,064,125)	(244,773,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5,726,923,820	5,616,574,702
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4,130,546,570)	(4,785,561,982)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản			

cổ định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5 Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24,847,543	31,118,924
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4,105,699,027)	(4,754,443,058)
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn chủ sở hữu	31	-	-
2 Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,380,381,400	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,380,381,400)	-
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1,591,009,032)	(1,594,671,322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1,591,009,032)	(1,594,671,322)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	30,215,761	(732,539,678)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	322,247,212	1,054,786,890
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	352,462,973	322,247,212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc là là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 58 00563106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ nhất (01) vào ngày 24 tháng 06 năm 2011.

Vốn điều lệ của Công ty là 27.000.000.000 VND (Hai mươi bảy tỷ đồng). Trong đó:

Cổ đông

Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Lâm Đồng
(đại diện phần vốn góp của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng)

Các cổ đông khác

Cộng

Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất và phân phối nước sạch; Tư vấn lập dự án đầu tư; Xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; Xử lý nước thải, xử lý môi trường; Đầu tư xây dựng hạ tầng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 56 Lê Thị Pha , phường 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2. Công ty mẹ (đại diện phần vốn góp của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng)

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Lâm Đồng.

Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 1 tháng 11 năm 2005 , đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 4 năm 201

Trụ sở chính của công ty mẹ đặt tại số 07 Bùi Thị Xuân, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên:

Ông Võ Quang Tuấn

Ông Võ Quốc Trang

Ông Võ Thành Y

Ông Nguyễn Trọng Hiếu

Bà Nguyễn Thị Diễm Loan

Chức vụ:

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên:

Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Vũ Văn Hoàng

Ông Nguyễn Văn Đô

Chức vụ:

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc

Họ tên:

Ông Võ Thành Y

Ông Nguyễn Trọng Hiếu

Bà Nguyễn Thị Thu Trúc

Chức vụ:

Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Võ Thành Y - Giám đốc của Công ty.

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày theo nguyên tắc giá gốc dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

2. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành. Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

4. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định hữu hình:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50	năm
Máy móc, thiết bị	02-10	năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-30	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08	năm

Tài sản cố định vô hình:

Quyền sử dụng đất	33	Năm
-------------------	----	-----

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đồng hồ thuê bao

Chi phí ống cấp 3, ống trục chung

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc nắm giữ cổ phiếu của Công ty khác hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn vào Công ty khác

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các loại tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	1/1/2014
Tiền mặt tại quỹ	44,525,731	44,826,561
Tiền gửi ngân hàng	307,937,242	277,420,651
Cộng	352,462,973	322,247,212

Phải thu của khách hàng

	31/12/2014	1/1/2014
Công ty TNHH Quốc Minh (*)	14,554,000	14,554,000
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Đạ Tẻh (*)	13,700,000	13,700,000
Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	34,619,600	34,619,600
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Bảo Lộc	1,189,314,461	98,685,000
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vina	-	4,412,700
Khách hàng sử dụng nước (*)	43,773,300	46,621,200
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc	29,149,976	29,149,976
Công ty TNHH Nhôm Lâm Đồng	-	31,034,948
Cộng	1,325,111,337	272,777,424

(*) Các khoản phải thu quá hạn đã được trích lập dự phòng (xem thuyết minh IV.5)

Trả trước cho người bán

	31/12/2014	1/1/2014
Công ty CP Tư vấn Đầu tư & Xây dựng Nam Lâm Đồng	-	50,000,000
Công ty TNHH Khánh Phát	-	80,000,000
Công ty TNHH Công nghệ và Môi trường Á Châu	300,000,000	-

Cộng	300,000,	130,000,000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		

	31/12/2014	1/1/2014
Tạm ứng thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	138,000,000	153,600,000
Các khoản phải thu khác	319,398	39,250,000
Cộng	138,319,398	192,850,000

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2014	1/1/2014
Công ty TNHH Quốc Minh	14,554,000	14,554,000
Ban QLDA ĐT & XD Đạ Têh	13,700,000	13,700,000
Khách hàng ngưng sử dụng nước	16,602,190	8,158,200
Cộng	44,856,190	36,412,200

Hàng tồn kho

	31/12/2014	1/1/2014
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	998,281,003	1,225,953,079
Công cụ, dụng cụ trong kho	48,808,413	63,626,174
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,123,351,542	91,400,751
Cộng	2,170,440,958	1,380,980,004

Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>1/1/2014</u>	<u>P. sinh tăng</u>	Phân bổ chi phí 31/12/2014	
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	<u>49,027,002</u>	<u>27,500,000</u>	60,327,000	16,200,002
Cộng	<u>49,027,002</u>	<u>27,500,000</u>	60,327,000	16,200,002

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2014	1/1/2014
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	48,895,706
Cộng	-	48,895,706

Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	1/1/2014
Tạm ứng chi phí công tác cho cán bộ công nhân viên	154,872,273	237,080,593
Cộng	154,872,273	237,080,593

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2014	10,149,365,967	9,367,315,584	25,605,620,512	459,077,553	45,581,379,616
Đầu tư hoàn thành	687,108,864	807,960,875	1,871,087,480	0	3,366,157,219
Nhà nước bàn giao sử dụng	0	0	1,440,158,529	0	1,440,158,529
Phân loại lại	-204,237,600	204,237,600	0	0	0
Tại 31/12/2014	10,632,237,231	10,379,514,059	28,916,866,521	459,077,553	50,387,695,364
Trong đó đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	955,267,862	95,258,000	668,394,000	128,960,905	1,847,880,767
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2014	4,156,183,882	4,490,011,621	8,022,174,351	360,673,906	17,029,043,760
Trích khấu hao	539,321,683	972,390,333	1,031,222,980	44,123,000	2,587,057,996
Thanh lý	0	0	0	0	0
Kết chuyển khác	0	0	0	0	0
Tại 31/12/2014	4,695,505,565	5,462,401,954	9,053,397,331	404,796,906	19,616,101,756
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2014	5,993,182,085	4,877,303,963	17,583,446,161	98,403,647	28,552,335,856
Tại 31/12/2014	5,936,731,666	4,917,112,105	19,863,469,190	54,280,647	30,771,593,608

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định của Công ty là tài quyền sử dụng đất có thời hạn.

	<u>Nguyên giá</u>	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tại 01/01/2014	754,671,000	80,187,000	674,484,000
Tăng trong năm	-	22,869,000	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2014	<u>754,671,000</u>	103,056,000	51,615,000

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	1/1/2014
Sửa chữa giếng 19	-	72,071,790
Tuyến ống D100 Lộc Phát	-	597,822,221
Hệ thống cấp nước 28/3 Lộc Tiến	18,890,502	18,890,502
Khu 7 Lộc Phát	134,980,121	184,516,400

Tuyển ống khu 3 Lộc Tiến	64,238,134	64,238,134
Các công trình khác	47,513,112	3,852,000
Cộng	265,621,869	941,391,047

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	1/1/2014
Đầu tư 10.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Cấp thoát nước Di Linh	300,000,000	300,000,000
Cộng	300,000,000	300,000,000

Chi phí trả trước dài hạn

	<u>1/1/2014</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	Phân bổ chi phí 12/31/2014	
Chi phí đồng hồ	839,593,233	315,763,336	365,520,244	789,836,325
Chi phí ống cấp 3	606,651,489	309,849,355	302,221,220	614,279,624
Chi phí ống trục chung	96,700,546	52,179,256	28,577,138	120,302,664
Chi phí công cụ dụng cụ	55,153,532	-	36,935,143	18,218,389
Cộng	<u>1,598,098,800</u>	<u>677,791,947</u>	733,253,745	1,542,637,002

Phải trả cho người bán

	31/12/2014	1/1/2014
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	236,500,000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thanh Dung	716,274,240	-
Công ty TNHH Thế Hải	391,766,100	-
Đoàn Tài nguyên nước Nam Tây Nguyên	163,780,000	-
Cộng	1,508,320,340	-

Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	1/1/2014
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Bảo Lộc	200,000,000	200,000,000
Cộng	200,000,000	200,000,000

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	1/1/2014
Thuế GTGT hàng bán nội địa	171,901,596	51,425,697
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134,913,389	541,648,992
Thuế thu nhập cá nhân	1,306,028	-
Thuế tài nguyên	43,848,747	23,080,309
Các loại thuế khác	-	19,488,000

Các khoản phí, lệ phí và các khoản khác	98,387,160	386,507,185
Cộng	450,356,920	1,022,150,183

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	1/1/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2104
Thuế GTGT hàng bán nội địa	51,425,697	497,330,991	376,855,092	171,901,596
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0			0
Thuế xuất, nhập khẩu	0			0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	541,648,992	494,913,389	901,648,992	134,913,389
Thuế thu nhập cá nhân	-48,895,706	71,892,741	21,691,007	1,306,028
Thuế tài nguyên	23,080,309	524,969,427	504,200,989	43,848,747
Thuế đất, tiền thuê đất	0			0
Các loại thuế khác	19,488,000	10,723,277	30,211,277	0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản khác	386,507,185	1,068,120,540	1,356,240,565	98,387,160
Cộng (*)	973,254,477	2,667,950,365	3,190,847,922	450,356,920
(*)				
Số nộp thừa (xem thuyết minh IV.8)	48,895,706			0
Số còn phải nộp	1,022,150,183			450,356,920

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Nước sạch 5%
- Hàng hóa, dịch vụ khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.12 và thuyết minh V.7

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	1/1/2014
Kinh phí Công Đoàn	61,827,487	64,749,717
Cổ tức phải trả	92,414,261	63,423,293
Thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ nhân viên công ty	-	40,974,380
Nhận tài sản từ UBND tỉnh Lâm Đồng chờ thủ tục tăng vốn	1,440,158,529	-
Chi phí nhân công phải trả công trình cải tạo, nâng cấp quốc lộ 20	1,264,864,000	-
Cộng	2,859,264,277	169,147,390

Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2014	Năm 2013
Số dư tại ngày 01/01	129,168,542	18,726,807
Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ	211,437,916	207,914,735
Chi quỹ trong năm	(138,464,125)	(97,473,000)
Số dư tại ngày 31/12	202,142,333	129,168,542

Vốn chủ sở hữu**Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng Tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2013	27,000,000,000	323,172,270	240,928,357	2,309,630,562	29,873,731,189
Lợi nhuận sau thuế năm 2013	0	0	0	2,267,979,159	2,267,979,159
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	0	207,914,735	103,957,368	(519,786,838)	(207,914,735)
Thù lao Hội đồng quản trị	0	0	0	(147,300,000)	(147,300,000)
Chia cổ tức	0	0	0	(1,620,000,000)	(1,620,000,000)
Tại 31/12/2013	27,000,000,000	531,087,005	344,885,725	2,290,522,883	30,166,495,613
Tại 01/01/2014	27,000,000,000	531,087,005	344,885,725	2,290,522,883	30,166,495,613
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	0	0	0	1,999,620,522	1,999,620,522
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	0	0	0	(153,600,000)	(153,600,000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	0	211,437,916	105,718,958	(528,594,790)	(211,437,916)
Chia cổ tức	0	0	0	(1,620,000,000)	(1,620,000,000)
Tại 31/12/2014	27,000,000,000	742,524,921	450,604,683	1,987,948,615	30,181,078,219

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	1/1/2014
Cổ đông		
Vốn Nhà nước (Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp thoát nước Lâm Đồng)	20,503,000,000	20,503,000,000
Các cổ đông khác	6,497,000,000	6,497,000,000
Cộng	27,000,000,000	27,000,000,000

Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	31/12/2014	1/1/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2,700,000	2,700,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,700,000	2,700,000
Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Cổ phiếu phổ thông	0	0
Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,700,000	2,700,000
Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
Cổ phiếu ưu đãi	0	0

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức

Thực hiện Nghị quyết ngày 19 tháng 05 năm 2014 của Hội đồng quản trị, Công ty đã tiến hành chia cổ tức năm 2013 với tỉ lệ thực hiện là 6%/vốn chủ sở hữu với số tiền 1.620.000.000 đồng.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
Tổng doanh thu	22,194,354,317	18,954,430,697
Các khoản giảm trừ:	646,500	2,478,100
- Hàng bán bị trả lại	646,500	2,478,100
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	22,193,707,817	18,951,952,597

Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13,358,819,621	10,469,734,675
Cộng	13,358,819,621	10,469,734,675

Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi ngân hàng	4,882,482	10,052,328
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19,965,061	21,066,596
Cộng	24,847,543	31,118,924

Chi phí tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí lãi vay	46,764,928	-
Cộng	46,764,928	-

Chi phí bán hàng

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí cho nhân viên	1,778,430,768	1,638,233,580
Chi phí vật liệu, công cụ , dụng cụ	878,776,754	810,082,308
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,150,387,981	1,007,909,092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45,859,760	37,742,009
Chi phí khác bằng tiền	496,380,436	530,374,315
Cộng	4,349,835,699	4,024,341,304

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí cho nhân viên	790,556,602	467,712,000
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	16,114,372	356,789,521
Chi phí khấu hao TSCĐ	16,822,000	26,200,000
Chi phí dự phòng	8,443,990	8,158,200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	709,219,037	252,756,575
Chi phí khác bằng tiền	416,511,434	442,379,563
Cộng	1,957,667,435	1,553,995,859

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Từ ngày 01/7/2013, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% theo Công văn số 8336/BTC-CST ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính "V/v Triển khai thực hiện một số quy định có hiệu lực từ 01/7/2013 tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT" đối với doanh nghiệp, kể cả hợp tác xã có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2,494,533,911	2,927,359,811
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(19,965,061)	(21,066,596)
Thu nhập từ cổ tức	(19,965,061)	(21,066,596)
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2,474,568,850	2,906,293,215

Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (25%)	-	726,573,304
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác mức thuế suất 25%	-	(67,192,652)
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (20%)	494,913,389	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	494,913,389	659,380,652

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,999,620,522	2,267,979,159
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1,999,620,522	2,267,979,159
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2,700,000	2,700,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	741	840

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2,700,000	2,700,000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2,700,000	2,700,000

Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5,158,121,738	4,311,504,826
Chi phí nhân công	8,069,631,233	6,155,244,282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,609,926,996	2,349,467,632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842,421,567	609,983,367
Chi phí khác bằng tiền	2,786,993,343	2,415,166,070
Cộng	19,467,094,877	15,841,366,177

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Lâm Đồng

Công ty mẹ đại diện phần góp vốn của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2014	Năm 2013
Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Lâm Đồng		
Cổ tức đã trả	1,230,180,000	1,230,180,000
Hội đồng quản trị và ban kiểm soát		
Tiền thù lao, tiền thưởng	240,000,000	288,000,000
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương	599,624,727	443,352,000

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty còn có nhiều tài sản tài chính khác như các khoản phải thu thương mại, tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng ngắn và dài hạn.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2014				
Các khoản vay và nợ	0	0	0	0
Phải trả người bán	0	0	0	0

Các khoản phải trả khác	169,147,390	0	0	169,147,390
Cộng	169,147,390	0	0	169,147,390
	0			0

Tại ngày 31/12/2014

Các khoản vay và nợ	0	0	0	0
Phải trả người bán	1,508,320,340	0	0	1,508,320,340
Các khoản phải trả khác	2,859,264,277	0	0	2,859,264,277
Cộng	4,367,584,617	0	0	4,367,584,617

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2014		1/1/2104		31/12/2014	1/12/2014
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	352,462,973	0	322,247,212	0	352,462,973	322,247,212
Phải thu khách hàng	1,325,111,337	(44,856,190)	272,777,424	(36,412,200)	1,280,255,147	236,365,224
Phải thu khác	138,319,398	0	192,850,000	0	138,319,398	192,850,000
Tài sản tài chính dài hạn	300,000,000	0	300,000,000	0	300,000,000	300,000,000
Cộng	2,115,893,708	(44,856,190)	1,087,874,636	(36,412,200)	2,071,037,518	1,051,462,436

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	1/1/2104	31/12/2014	1/12/2014
	Các khoản vay và nợ			
Phải trả người bán	1,508,320,340		1,508,320,340	
Các khoản phải trả khác	2,859,264,277	169,147,390	2,859,264,277	169,147,390
Cộng	4,367,584,617	169,147,390	4,367,584,617	169,147,390

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

VI. Ý kiến kiểm toán độc lập

Số:0053010200820712014/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi :

**Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc ("Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2015, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung

thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

(đã ký)

(đã ký)

Điền Văn Châu - Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Trí - Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0701-2013-099-1
Giấy ủy quyền số 011/2014/UQ-FAC ngày 20/10/2014*

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0982-2013-099-1*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2015

VII. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty :

UBND Tỉnh Lâm Đồng .

- Công ty được UBND Tỉnh Ủy quyền

Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan :

Cty Cổ phần cấp Nước và XD Di linh

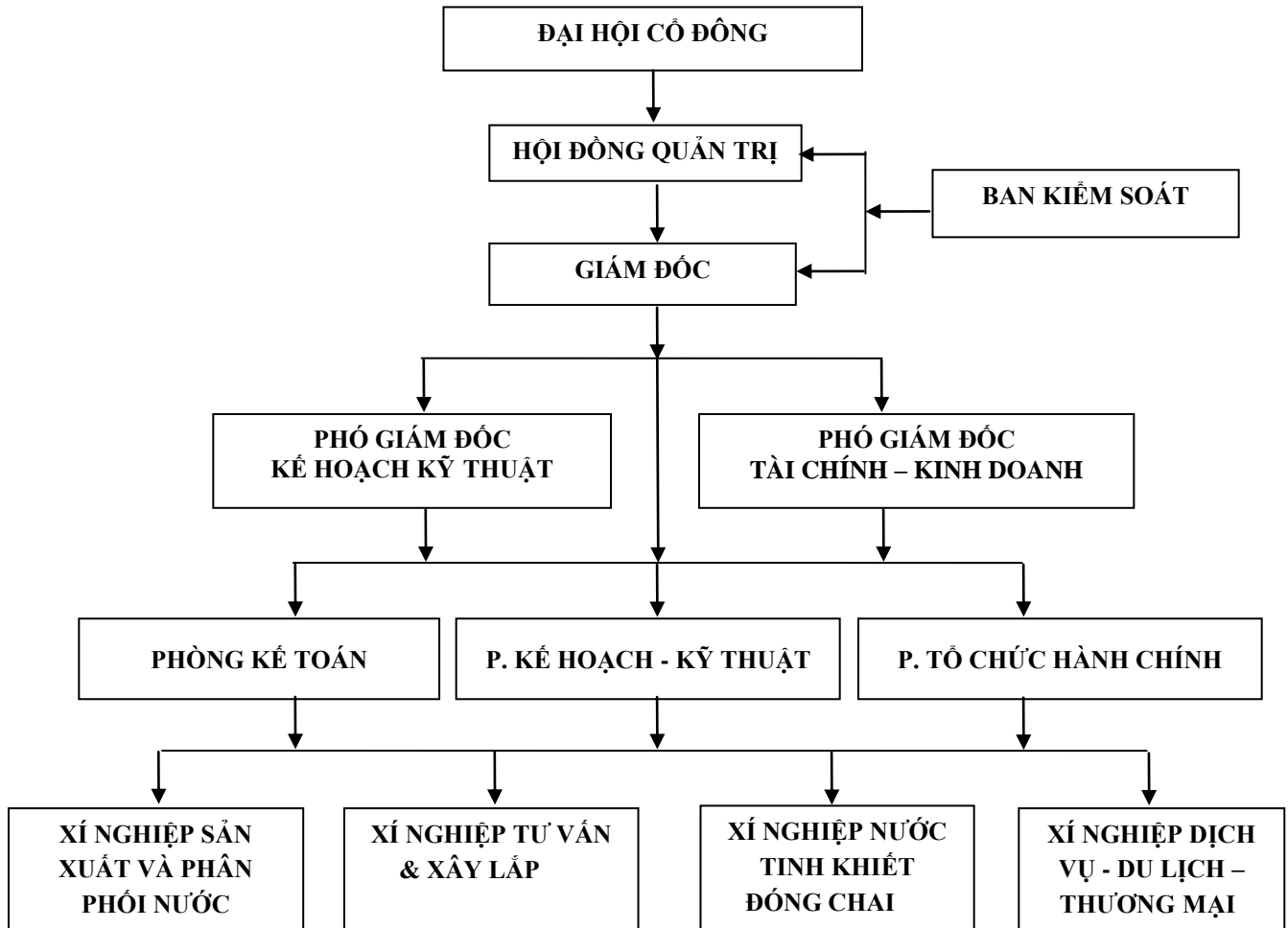
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

* Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng

* Công ty Cổ phần cấp nước và XD Di linh là một doanh nghiệp nhà nước được chuyển qua Cty Cổ phần thành lập theo quyết định số 2129/QĐ/UB ngày 24/08/2009 của UBND tỉnh Lâm Đồng. V/v phê duyệt phương án cổ phần nhà máy nước Di linh

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Hội đồng quản trị

1. Ông Võ Quang Tuân – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	Võ Quang Tuân
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/04/1957
Nơi sinh:	Đà Lạt – Lâm Đồng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Nguyên quán:	Phú Vang – Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:	195/12 Phan Đình Phùng, Đà Lạt, Lâm Đồng.

Trình độ Văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 5/1977 - 1985 : Ban Phân vùng Qui Hoạch Lâm Đồng
- 1985 - 7/1991 : Ủy Ban Kế hoạch Thống kê Lâm Đồng
- 7/1991 - nay : Giám đốc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Giám đốc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 2000 cổ phần, chiếm 0,07% tổng số cổ phần của công ty.
- Số cổ phần đại diện: 1.640.240 cổ phần, chiếm 60,75% tổng số cổ phần của công ty.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần.

2. Ông Võ Quốc Trang – Phó chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Võ Quốc Trang**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 08/09/1964
Nơi sinh: Quảng Ngãi
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú: 9A Lê Hồng Phong, Đà Lạt, Lâm Đồng
Trình độ Văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Tóm tắt quá trình công tác:

- 1982 – nay : Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc
Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Phó Giám đốc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.

- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,19% tổng số cổ phần của công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

3. Ông Võ Thành Y – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

Họ và tên: **Võ Thành Y**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 19/05/1957
 Nơi sinh: Yên Thành – Nghệ An
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Yên Thành – Nghệ An
 Địa chỉ thường trú: 33 Đinh Tiên Hoàng, P.2, TX. Bảo Lộc, Lâm Đồng.
 Trình độ Văn hoá : 10/10
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 04/1982 – 06/1991 : Nhà máy nước Bảo lộc – huyện Bảo lộc .
- 07/1992 – 02/2008 : Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc
- 03/2008 – nay : Cty CP Cấp thoát nước và XD bảo lộc

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 10.900 cổ phần chiếm 0.41 % tổng số cổ phần của Công ty
- Số cổ phần đại diện: 410.060 cổ phần, chiếm 15,19% tổng số cổ phần của công ty.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Phan thị Trâm (vợ) : 5.400 cp chiếm 0.2% tổng số cổ phần của công ty.
- Võ Thị Thái Thanh (con gái) : 7.000 CP 0.26% tổng số cổ phần của công ty.

4. Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Cty

Họ và tên: **Nguyễn Trọng Hiếu**

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 23/12/1969
Nơi sinh: Lập Thạch, Vĩnh Phúc
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Lập Thạch, Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú: 2A/7 Đội Cấn, P.Lộc Sơn, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Trình độ Văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 07/1991 – 06/1992 : Kế toán Xí nghiệp Quản lý Nhà đất và công trình Công cộng Bảo Lộc
- 07/1992 – 02/2008 : Kế toán Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc thuộc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- 03/2008 – 5/2014 : Kế toán Trưởng Cty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc
- 06/2014 – nay : Phó giám đốc Cty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 8.500 cổ phần, chiếm 0,31% tổng số cổ phần của công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: 3.000 cổ phần
 - ❖ Bà: Dương Thị Hoa, Vợ của Ông: Nguyễn Trọng Hiếu, nắm giữ: 3.000 cổ phần, tương đương 0,11% VDL

5. Bà Nguyễn Thị Diễm Loan – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Thị Diễm Loan**
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 09/05/1967
Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú: 38 Phạm Ngũ Lão, P.2, Bảo Lộc, Lâm Đồng

Trình độ Văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 1989 – 1995 : Bệnh viên II Lâm Đồng
- 1996 – nay : Phòng khám tư nhân.

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 34.700 cổ phần, chiếm 1.28% tổng số cổ phần của công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng Ban kiểm soát.

Họ và tên: **Nguyễn Văn Dũng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/06/1968

Nơi sinh: Đà Lạt

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Ninh Thuận

Địa chỉ thường trú: 1A/2/10 Nguyễn Trãi, P.9, Đà Lạt, Lâm Đồng.

Trình độ Văn hoá : 12//12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 1989 – 1990 : Cục Thống Kê Lâm Đồng
- 1991 – nay : Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .

Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Kế TT Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

2. Ông Nguyễn Văn Độ – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Văn Độ**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 22/08/1965
 Nơi sinh: Thường Tín, Hà Nội
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Thường Tín, Hà Nội
 Địa chỉ thường trú: 02 Phan Bội Châu, P.1, Bảo Lộc, Lâm Đồng
 Trình độ Văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kiểm định viên

Tóm tắt quá trình công tác:

- 08/1984 – 12/1988 : Công ty Chè Lâm Đồng
- 1989 – 02/2008 : Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc thuộc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- 03/2008 – nay : CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Chức vụ công tác hiện nay : Kiểm định đồng hồ đo nước, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 59.600 cổ phần, chiếm 2,21% tổng số cổ phần của c ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

3. Ông Vũ Văn Hoàng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Vũ Văn Hoàng**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 05/07/1959

Nơi sinh: Tân Hưng, Vĩnh Bảo, Hải Phòng.
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Tân Hưng, Vĩnh Bảo, Hải Phòng.
Địa chỉ thường trú: 43 Huỳnh Thúc Kháng, P.2, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Trình độ Văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn: Trung cấp kỹ thuật địa chất - thủy văn

Tóm tắt quá trình công tác:

- 02/1980 – 10/1987 : Đoàn địa chất thủy văn 707 – Bảo lộc Lâm đồng
- 03/1997 – 02/2008 : Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc thuộc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- 03/2008 – nay : CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Chức vụ công tác hiện nay : Tổ trưởng tổ ghi chỉ số đồng hồ, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 4.600 cổ phần, chiếm 0,17% tổng số cổ phần của c ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

Ban Giám đốc

1. Ông Võ Thành Y – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

2. Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thành viên HĐQT, Phó giám đốc

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- HĐQT Cty gồm có 05 thành viên :

03 thành viên không trực tiếp làm việc tại cty là :

- Ông : Võ Quang Tuân : Chủ tịch của HĐQT

- Ông Võ Quốc Trang : Phó chủ tịch HĐQT

- Bà : Nguyễn Thị Diễm Loan : Thành viên HĐQT

02 Thành viên trực tiếp làm việc tại Cty :

- Ông Võ Thành Y - Thành viên HĐQT - Giám đốc Cty
- Ông : Nguyễn Trọng Hiếu : - Thành viên HĐQT- Phó giám đốc Cty

- Ban kiểm soát gồm có 03:

01 Thành viên k trực tiếp làm việc tại Cty:

- Ông Nguyễn Văn Dũng : Trưởng ban KS Cty

02 Thành viên làm việc tại cty:

- Ông : Nguyễn Văn Độ : Thành viên BKS
- Ông Vũ Văn Hoàng : thành viên BKS

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên : theo điều lệ

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên :

- + Chủ tịch HĐQT : 3.500.000 đồng/tháng
- + Phó chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT: 2.500.000 đồng/ tháng
- + Trưởng ban KS : 2.500.000 đồng/tháng
- + Thành viên BKS: 1.750.000 đồng/tháng

Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành. Giá trị các khoản thù lao và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể.

- Có 03 thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, 01 thành viên Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, 01 Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên (so với thời điểm lập BCTC năm trước)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Thay đổi	Ghi chú
01	Võ Quang Tuân	Chủ tịch HĐQT	2.000 1.640.240	0,07 % 60,75%	Không	Cổ phần sở hữu Nhà nước Ủy quyền
02	Võ Quốc Trang	T. viên HĐQT	5.000	0,19%	Không	Cổ phần Sở hữu
03	Võ Thành Y	Phó CT HĐQT	10.900 410.060	0.41 % 15,19%	Không	Cổ phần Sở hữu Nhà nước Ủy quyền
04	Nguyễn Trọng Hiếu	T. viên HĐQT	8.500	0,31%	Không	Cổ phần Sở hữu
05	Nguyễn T Diễm Loan	T. viên HĐQT	34.700	1.28%	Không	Cổ phần Sở hữu

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.:

Trong năm các thành viên trong HĐQT , Ban giám đốc điều hành ,ban Kiểm soát và những người có liên quan không có giao dịch mua , bán chuyển nhượng cổ phiếu

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước (Được UBND Tỉnh Ủy quyền)

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng là cơ quan đại diện cổ đông phần vốn nhà nước .

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung:

Tên; **Công ty TNHH một TV Cấp thoát nước Lâm Đồng** là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình sắp xếp đổi mới, năm 2004 doanh nghiệp lại được điều chỉnh chuyển sang loại hình doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh. Ngày 18/10/2005 UBND Tỉnh Lâm Đồng ra quyết định số 2873/QĐ-UBND thành lập Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc : số 07 Bùi thị xuân – TP Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng

Nghành nghề kinh doanh :

Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt , Khai thác xử lý cung cấp nước sạch phục vụ đô thị và công nghiệp . Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước. Giám sát thi công công trình xây dựng . Thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi , khu du lịch, nghỉ dưỡng , vườn sinh thái . Sản xuất kinh doanh vật tư ngành nước . Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan nghỉ dưỡng . Quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi . Lập dự án đầu tư xây dựng công trình , thẩm tra dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường . Thiết kế dự toán công trình xây dựng , dân dụng, công nghiệp , cấp thoát nước , thủy lợi . Tư vấn lập qui hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước . Tư vấn lập hồ sơ mời thầu , xét thầu, tư vấn quản lý dự án , khảo sát địa hình , địa chất , thủy văn , môi trường .

số CP : 2.050.000 CP chiếm tỷ lệ 75.94 %/Tổng số CP

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập : không

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : có (01 cổ đông)

CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XD BẢO LỘC
GIÁM ĐỐC

